

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày

tháng 11 năm 2025

V/v đánh giá thực hiện
Kế hoạch phát triển KT-XH 05
năm 2021-2025, dự kiến Kế
hoạch phát triển KT-XH 05
năm 2026-2030 của tỉnh

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Thống kê tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030 và Công văn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030. Với tinh thần hành động quyết liệt, đồng bộ, khả thi, hiệu quả, hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý, bám sát nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 31/CT-TTg và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 16684/BTC-NSNN, triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2026 -2030 của tỉnh, cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH 05 NĂM 2021 - 2025

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên (trước sáp xếp), Nghị quyết của HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, các nghị quyết, kết luận khác có liên quan của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường rà soát, đánh giá bổ sung đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục 1 phần I và mục 1 phần II Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, tập trung đánh giá các nội dung sau:

1. Bối cảnh triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2021 -2025: Nêu khái quát những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu.

2. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, đánh giá, phân tích đầy đủ về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là kết quả thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để bảo đảm tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3 - 8,5%.

3. Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đánh giá công tác hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tình hình triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; về phát triển kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giáo dục và đào tạo, y tế, an ninh năng lượng...; hoàn thiện các loại thị trường như thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường khoa học công nghệ... Hoàn thiện các quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, phân cấp, phân quyền.

5. Kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Trong đó tập trung đánh giá: Cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ, nhất là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả, xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành du lịch, thương mại điện tử...; đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng GRDP; đánh giá hiệu quả cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước); triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và tình hình phát triển doanh nghiệp tư nhân; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

6. Đánh giá tình hình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực (kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài...); giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án lớn, quan trọng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược...; phát triển các loại thị trường.

7. Tiến độ triển khai và kết quả hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình, dự án trọng điểm, được xác định là động lực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

8. Đánh giá công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung đánh giá:

- Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó, làm rõ một số nội dung sau: (i) Các trọng điểm đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chương trình hành động cụ thể của tỉnh; (ii) Các dự án/nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; (iii) Đánh giá việc đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và các Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch của tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

9. Kết quả triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; tình hình phát triển khu kinh tế, phát triển đô thị, đô thị thông minh, phát triển kinh tế biển; xây dựng nông thôn mới; thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố Buôn Ma Thuột (cũ),...

10. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, y tế; tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đổi mới, nâng cao chất lượng các chính sách xã hội, việc làm, giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc... đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân.

11. Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường theo Chương trình nghị sự 2030. Kết quả xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách để hình thành, vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính...

12. Đánh giá công tác nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; cải cách tiền lương...; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

13. Tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

14. Đánh giá công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; đặc biệt là việc triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị.

15. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan chủ yếu của các kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém; từ đó, khái quát, rút ra các bài học kinh nghiệm để xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030.

II. ĐỐI VỚI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH 05 NĂM 2026 - 2030

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ, khách quan về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; dự báo tình hình kinh tế trong nước, thế giới; các khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030: Dự báo, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của tình hình quốc tế, trong nước và của tỉnh tác động đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đề xuất mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2026 - 2030 của tỉnh; xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp của ngành, địa phương để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

Định hướng phát triển phải đảm bảo các nội dung: Tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng phải bền vững với mục tiêu tăng trưởng hai con số; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khai thác hiệu quả lợi thế của hội nhập quốc tế sâu rộng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Mục tiêu là hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, toàn diện và mang lại lợi ích cho mọi người dân.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Trên cơ sở các chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng năm và theo từng ngành, lĩnh vực để hoàn thành mục tiêu tại Nghị

quyết. Trong đó lưu ý, hệ thống chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 05 năm 2026 - 2030 phải bảo đảm tính khả thi, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn. Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch.

4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và các giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực đã được thống nhất tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo từng ngành, lĩnh vực để triển khai thực hiện.

Lưu ý: Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải: (1) Mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, khả thi, hiệu quả, phù hợp với khả năng thực hiện và cụ thể, mang tính hành động cho các ngành, các cấp, các địa phương; (2) bảo đảm nguyên tắc 6 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền” và lượng hóa được; (3) huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; (4) phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; (5) huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp, người dân vào quá trình phát triển KTXH.

Trong đó tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Bảo đảm công tác xây dựng và thi hành pháp luật bám sát thực tiễn, nắm bắt mọi cơ hội, khơi thông mọi nguồn lực, là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển thị trường khoa học công nghệ, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển; tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện công vụ.

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, tạo bứt phá mạnh mẽ; tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững; tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển. Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của các loại thị trường. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước. Triển khai các giải pháp đột phá, trọng tâm, có tính khả thi cao để đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, giải phóng nguồn lực trong giai đoạn 2026-2030. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển kinh tế tư nhân là động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo; triển khai quyết liệt Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ. Phát triển doanh nghiệp tư nhân; ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược, trọng điểm của tỉnh. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển khoa học công nghệ, các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp sáng tạo, công nghệ chiến lược, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Xây dựng các trọng tâm đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn đảm bảo dữ liệu thông suốt từ trung ương đến địa phương, trung tâm dữ liệu lớn, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất và thể chất người học gắn với việc xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Hệ thống giáo dục phải được đổi mới sâu rộng, tập trung phát triển các kỹ năng sáng tạo, kỹ năng khởi nghiệp, STEM, ngoại ngữ (đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học), kỹ năng số và công nghệ hiện đại. Tăng cường đào tạo chuyên sâu và bồi dưỡng nguồn nhân lực gắn kết chặt chẽ với các chương trình hợp tác chiến lược, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ chiến lược. Triển khai hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ngay sau khi được ban hành, Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035. Tập trung xây dựng hệ thống trường liên cấp (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu dạy học.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Huy động tối đa mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông (đặc biệt là các tuyến cao tốc và các tuyến kết nối vào cao tốc), hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp

và hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị, đẩy mạnh phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn mới, bảo đảm an ninh năng lượng; Xây dựng định hướng phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tạo đột phá trong phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Thúc đẩy công nghiệp văn hóa; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035... Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia đã thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 và được tiếp tục thực hiện các giai đoạn tiếp theo hoặc chuyển tiếp thực hiện từ 2026 - 2030. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển sau khi được ban hành. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải; Quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân trong hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản có chứa phóng xạ tự nhiên.

- Tiếp tục tập trung củng cố, xây dựng, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng “*thế trận lòng dân*” gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cao. Tăng cường công tác an ninh mạng và an toàn thông tin trên không gian mạng; chủ động phát hiện, phòng chống tội phạm mới, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong, ngoài nước, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của tỉnh về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

III. HỆ THỐNG BIỂU MẪU

1. Biểu mẫu đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 theo Phụ lục 1.
2. Biểu mẫu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3.
3. Biểu mẫu dự kiến danh mục các chương trình, đề án, kế hoạch,... thuộc Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 theo Phụ lục 4.

(Có các Biểu mẫu kèm theo)

UBND tỉnh gửi kèm Báo cáo số 60-BC/ĐU ngày 02/10/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về kiểm điểm, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường tham khảo, báo cáo đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

IV. VỀ THỜI GIAN BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành gửi báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 của ngành, lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về Sở Tài chính **trước ngày 20/11/2025** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh. Nếu đơn vị nào gửi báo cáo chậm trễ, làm ảnh hưởng đến báo cáo chung của tỉnh thì Thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Đối với việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2026 - 2030 của các xã, phường: Căn cứ hướng dẫn trên đây, UBND cấp xã chủ động xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2026 - 2030 của cấp mình theo quy định. Trong đó, ngoài các chỉ tiêu chủ yếu do địa phương đề ra trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, phường nhiệm kỳ 2025 - 2030, đề nghị UBND các xã, phường xây dựng đầy đủ và sử dụng thống nhất 08 chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội cấp xã trong quản lý, điều hành theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 12067/BTC-CTK ngày 07/8/2025.

2. Giao Thống kê tỉnh rà soát, báo cáo kết quả tổng hợp bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 02343/UBND-TH ngày 12/8/2025. Trên cơ sở đó, đề xuất UBND tỉnh kịch bản, mục tiêu Tốc độ tăng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm của các xã, phường để góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh đạt 10,5% trở lên. Hoàn thành báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 20/11/2025**; đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

3. Giao Sở Tài chính làm đầu mối tổng hợp báo cáo của các sở, ngành để xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 05 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 của tỉnh; tổ chức họp các sở, ban, ngành để rà soát, thống nhất nội dung, số liệu, lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị liên quan và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh **trước 25/12/2025**.

Nhận được Công văn này, các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH (ĐH.10)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Công Thái